

**TÒA ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:06/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20 /6 /2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tâm

Bà Nguyễn Thị Tường Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Trà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST – HNGĐ ngày 23/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị L – sinh năm 1982

Trú quán: SN 23, đường N, tổ 6, khu 5, phường B, thị xã B, tỉnh T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn H - sinh năm 1981;

Trú quán: Thôn Q, xã H, huyện V, tỉnh T.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2024, bản tự khai ngày 29/3/2024 nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Phạm Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 20/5/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ đẻ chị L tại phường B, thị xã B. Thời gian đầu vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân: Do vợ

chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong công việc làm ăn. Từ đầu năm 2010 đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân, anh H đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã H, huyện V để ở và không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là: Phạm Huy H1 - sinh ngày 06/3/2009 (giới tính: Nam). Hiện nay cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu H1 ở cùng với chị L, do chị L chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con cùng chị L. Khi ly hôn chị L đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H1 đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị vì hiện nay chị đang làm nghề tự do tại thị xã B, công việc và thu nhập ổn định nên chị có đủ điều kiện về kinh tế cũng như thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của anh Phạm Văn H.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/4/2024, UBND xã H, huyện V, tỉnh T nơi anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: Chị Hoàng Thị L địa chỉ: đường N, tổ 6, khu 5, phường B, thị xã B, tỉnh T và anh và anh Phạm Văn H trú tại: Thôn Q, xã H, huyện V, tỉnh T có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã B, tỉnh T vào ngày 20/5/2008. Sau khi kết hôn chị L và anh H sinh sống ở thị xã B. Đến năm 2010, một mình anh H về quê ở xã H sinh sống, không có vợ con đi cùng. Chính quyền địa phương cũng không nắm được nguyên nhân vợ chồng chị L, anh H mâu thuẫn là gì, chỉ biết là vợ chồng anh H, chị L không chung sống cùng với nhau nữa. Vợ chồng chị Hoàng Thị L và anh Phạm Văn H có 01 con chung tên là: Phạm Huy H1 – sinh ngày 06/3/2009 (giới tính: Nam). Từ trước đến nay cháu H1 ở cùng với chị L tại thị xã B, tỉnh T. Cháu H1 không có khẩu ở xã H, huyện V. Về điều kiện kinh tế: chị Hoàng Thị L, không ở xã H, huyện V nên chính quyền địa phương cũng không biết chị L làm gì, thu nhập như thế nào. Anh Phạm Văn H làm việc tự do có thời điểm làm tại địa phương, có thời điểm đi làm ăn xa. Hiện nay anh H làm nghề gì, ổn định không, thu nhập như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Anh H không có nhà đất tại xã Vĩnh Hoà, hiện tại ở cùng với bố mẹ đẻ là ông Phạm Văn H2, bà Phạm Thị T. Quá trình sinh sống tại địa phương xã H anh H có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật.

Ngày 14/3/2024, chị Hoàng Thị L cung cấp 01 Đơn xin xác nhận, có xác nhận của Ban giám hiệu trường trung học cơ sở B nơi cháu Phạm Huy H1 học tập xác nhận trong quá trình học tập của cháu H1, chị L là người đóng góp đầy đủ các khoản theo quy định cho nhà trường. Ngày 07/5/2024, chị L cung cấp 01 Đơn xin xác nhận,

được chính quyền địa phương nơi chị L cư trú xác nhận. Chị L và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã B vào ngày 20/5/2008. Sau khi đăng ký kết hôn chị L và anh H sinh sống cùng bố mẹ chị L tại khu 5, phường B. Từ đầu năm 2010 đến nay, anh H không sinh sống ở phường B nữa. Chị L và anh H có 01 con chung là cháu Phạm Huy H1, từ khi vợ chồng chị L, anh H không chung sống cùng nhau nữa, cháu H1 do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, hiện nay cháu H1 đang học tại trường trung học cơ sở B. Chị L làm nghề tự do, nhưng công việc cũng ổn định. Lâu nay mẹ con chị L vẫn sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị L là ông Hoàng Công L, bà Doãn Thị Ph tại khu 5, phường B. Ông L, bà Ph khỏe mạnh, kinh tế gia đình khá giả, nhà cửa rộng rãi. Hiện nay, chỉ có ông bà và mẹ con chị L sinh sống cùng nhau. Quá trình sinh sống tại địa phương ông L, bà Ph và chị L luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật và của nơi cư trú.

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị L vắng mặt, nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị L, xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Phạm Văn H.

Giao con chung là Phạm Huy H1 – sinh ngày 06/3/2009 (giới tính: Nam) cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L vì chị L không yêu cầu.

-Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị L có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Phạm Văn H có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện V, tỉnh T. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68

Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Phạm Văn H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ anh H cố tình trốn tránh. Chị Hoàng Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H không có mặt theo quyết định của Tòa án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L, anh H là đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh T vào ngày 20/5/2008. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị L và anh Phạm Văn H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ đầu năm 2010, anh H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã H, huyện V để sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2010 đến nay. Chị Hoàng Thị L xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn anh H. Quá trình giải quyết vụ án anh H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh H không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Hoàng Thị L và anh Phạm Văn H đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Phạm Văn H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị L và anh Phạm Văn H có 01 con chung tên là Phạm Huy H1 - sinh ngày 06/3/2009 (giới tính: Nam). Hiện nay cháu H1 phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu H1 ở cùng với chị L. Khi ly hôn chị L có yêu cầu và theo nguyện vọng của cháu H1 là giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L, vì chị L không yêu cầu.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án không thu thập được nguyện vọng của anh H. Tuy nhiên xét điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển cho con, thấy rằng: Chị L có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu H1 ở cùng với chị L, được chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống sinh hoạt và học tập của cháu đang ổn định. Cháu phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần. Cháu H1 cũng có nguyện

vọng được ở với mẹ. Nguyên vọng của chị L và của cháu H1 là hoàn toàn chính đáng. Để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của con về mọi mặt và đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con. Do đó, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Huy H1 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L vì chị L không yêu cầu là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Phạm Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở và anh H có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Hoàng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 5, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Phạm Huy H1 – sinh ngày 06/3/2009 (giới tính: Nam) cho chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.2. Anh Phạm Văn H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

2.3. Anh Phạm Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở anh thực hiện quyền này và anh H có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng chị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006072 ngày

12/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Phạm Văn H không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Chị Hoàng Thị L và anh Phạm Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- UBND phường B;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang